UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 286 /QĐ-TCKH

Biên Hòa, ngày 23 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của phòng Tài chính Kế hoạch thành phố Biên Hòa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 4926/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020;

Xét đề nghị của kế toán đơn vị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu,chi ngân sách năm 2020 của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Phó Trưởng phòng và các Tổ chuyên môn phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Biên Hòa thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các P.Trưởng phòng;
- Các Tổ chuyên môn;
- Lưu :VT,Kế toán.

TRƯỞNG PHÒNG

Vũ Quốc Thái

Đơn vị: **PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH THÀNH PHỐ BIÊN HÒA**
Chương: 618

DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo QĐ số: 286/QĐ-TCKH ngày 23/12/2019)

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	**533.200.000**
1.1	Lệ phí	**520.000.000**
	Lệ phí cấp GCN ĐKKD	520.000.000
1.2	Phí	**13.200.000**
	Phí thẩm định dự án đầu tư	13.200.000
2	**Số thu khác**	**550.000.000**
	Thu thẩm tra quyết toán	550.000.000
3	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**561.880.000**
3.1	Chi sự nghiệp ……..	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3.2	Chi quản lý hành chính	561.880.000
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	561.880.000
	- Phí thẩm tra dự án đầu tư	11.880.000
	- Thu thẩm tra quyết toán	550.000.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
4	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**521.320.000**
4.1	Lệ phí	520.000.000
4.2	Phí	1.320.000
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**3.898.400.000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**3.898.400.000**
1.1	**Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ**	**3.308.000.000**
	- Thanh toán cá nhân	2.120.000.000
	- KP hoạt động thường xuyên	1.188.000.000
1.2	**Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ**	**590.400.000**
1.2.1	- Kinh phí BCĐ PTKTTT	72.000.000
1.2.2	- Kinh phí đặc thù ngành tài chính	180.000.000
1.2.3	- Kinh phí cho hoạt động thu phí, lệ phí	338.400.000
2	**Nghiên cứu khoa học**	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	

2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	**Chi bảo đảm xã hội**	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	**Chi hoạt động kinh tế**	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	**Chi Chương trình mục tiêu**	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 4926 /QĐ-UBND	*Biên Hòa, ngày 17 tháng 12 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 được Quốc hội thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 đã được Quốc hội thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 575/QĐ-STC ngày 09/12/2019 của Sở Tài chính Đồng Nai về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước – chi ngân sách địa phương tỉnh Đồng Nai năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 91/NQ-HĐND và số 92/NQ-HĐND ngày 12/12/2019 của HĐND thành phố Biên Hòa khóa XI – Kỳ họp thứ 14 về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước và phân bổ chi ngân sách thành phố và mức bổ sung ngân sách cấp dưới năm 2020 trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố tại Tờ trình số 57/TTr-TCKH ngày 16/12/2019 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020 cho Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố (phân bổ nội dung cụ thể theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm tổ chức điều hành và thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước được giao theo đúng các quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố Biên Hòa, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày 01/01/2020 và Kho bạc Nhà nước tỉnh Đồng Nai phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT.Thành ủy BH;
- TT.HĐND TPBH;
- CT, các PCT/UBND TP;
- Chánh, Phó VP.HĐND-UBND TP;
- Lưu VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Phạm Anh Dũng

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4176/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của UBND thành phố Biên Hòa)

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

Đơn vị: PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

Mã số: 1066173

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:**	**0**
1	**Số thu phí, lệ phí:**	***533.200.000***
1.1	***Lệ phí***	**520.000.000**
	- Lệ phí cấp giấy ĐKKD :	*520.000.000*
1.2	***Phí***	**13.200.000**
	- Phí thẩm định DA đầu tư :	*13.200.000*
2	**Số thu khác**	**550.000.000**
	- Thu thẩm tra quyết toán :	550.000.000
3	**Chi từ nguồn thu phí được để lại:**	**561.880.000**
3.1	***Chi quản lý hành chính***	***561.880.000***
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	561.880.000
	- Phí thẩm định DA đầu tư :	11.880.000
	- Thu thẩm tra quyết toán :	550.000.000
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0
4	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**521.320.000**
4.1	***Lệ phí***	***520.000.000***
	- Lệ phí cấp giấy ĐKKD :	520.000.000
4.2	***Phí***	***1.320.000***
	- Phí thẩm định DA đầu tư :	1.320.000
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**4.096.000.000**
1	**Chi quản lý hành chính:**	**4.096.000.000**
1.1	***Kinh phí thực hiện tự chủ***	***3.440.000.000***
1.1.1	Thanh toán cá nhân :	2.120.000.000
	- Lương, phụ cấp, các khoản đóng góp:	2.120.000.000
1.1.2	Kinh phí hoạt động thường xuyên	1.320.000.000
	- Kinh phí hoạt động	1.188.000.000
	- Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	132.000.000
1.2	***Kinh phí không thực hiện tự chủ :***	***656.000.000***
1.2.1	Kinh phí ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể	80.000.000
	+ Kinh phí ban chỉ đạo phát triển kinh tế tập thể	72.000.000
	+ Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	8.000.000
1.2.2	Kinh phí đặc thù ngành tài chính	200.000.000
	+ Kinh phí hoạt động	180.000.000

STT	Nội dung	Tổng số
	+ Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	20.000.000
1.2.3	Kinh phí cho hoạt động thu phí, lệ phí:	376.000.000
	+ Kinh phí hoạt động	338.400.000
	+ Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương	37.600.000

Ghi chú :

- Kinh phí hoạt động thường xuyên theo định mức: 55 triệu x 24 biên chế

- Số tiết kiệm 10% chi hoạt động thường xuyên được giữ lại ngân sách thành phố để thực hiện cải cách tiền lương năm 2020.

- Chi hoạt động thường xuyên năm 2020 đã bao gồm chi phí bảo trì phần mềm quản lý tài sản.